

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

Quyết toán đã được HĐND phê chuẩn tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 03/12/2021
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2021 của UBND tỉnh Hà Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	14.184.307	16.205.907		
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.010.481	1.995.062	-15.419	99%
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.124.381	1.035.786	-88.595	92%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	886.100	959.276	73.176	108%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	12.112.026	12.703.701	591.675	105%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	8.124.951	8.124.951	0	100%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.987.075	4.578.750	591.675	115%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính		32.228	32.228	
IV	Thu kết dư		33.083	33.083	
V	Thu viện trợ, huy động đóng góp		30.385	30.385	
VI	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1.376.352	1.376.352	
VII	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		8.694	8.694	
VIII	Thu từ nguồn vay lại chính phủ	61.800	26.402	-35.398	
B	TỔNG CHI NSDP	14.124.307	16.118.318	1.994.012	114%
I	Tổng chi cân đối NSDP	11.939.319	12.339.985	400.666	103%
1	Chi đầu tư phát triển	2.325.836	2.994.377	668.541	129%
2	Chi thường xuyên	9.337.752	9.239.450	-98.301	99%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.200	431	-769	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200		100%
5	Dự phòng ngân sách	192.764		-192.764	0%
6	Chi từ nguồn thu huy động đóng góp	18.000			
7	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	62.567		-62.567	
8	Chi nộp ngân sách cấp trên		104.526		

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
II	Chi các chương trình mục tiêu	2.184.988	2.204.678	19.689	101%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.572.784	1.590.708	17.924	101%
2	Chi các chương trình mục tiêu	612.204	613.970	1.766	100%
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		1.573.656	1.573.656	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP	60.000	87.588	27.588	0
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	60.000	60.112	112	100%
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			0	
II	Nguồn trả nợ	60.138	60.112		
1	Tăng thu, tiết kiệm chi	60.000	60.000		
2	Dự án tự đảm bảo từ nguồn vốn vay thu hồi theo Hiệp định	138	112		
III	Tạm ứng ngân sách tỉnh (đảm bảo trả đủ nợ gốc theo cam kết)				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	61.800	26.336		
I	Vay lại vốn vay của Chính phủ thực hiện các dự án ODA	61.800	26.336		
II	Vay để trả nợ gốc				
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP	126.031	90.452		